

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2022

V/v Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Huy Cường.

2. Bà Trần Thị Thanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Chị và anh Võ Văn Đ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12-2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ngày làm lễ cưới gia đình anh Đ có cho chị nữ trang gồm 01 sợi dây chuyền 03 chỉ và 01 đôi bông tai 01 chỉ đều là vàng 24K. Hiện số nữ trang này không còn do chị

đã bán để mua sữa cho con uống. Sau khi cưới chị về nhà của anh Đ để sinh sống và làm ăn.

Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc đến tháng 5-2017 phát sinh mâu thuẫn do chị mang thai về nhà của cha mẹ ruột sinh con, anh Đ có đến thăm con và chị có nói với anh Đ đi làm giấy chứng nhận kết hôn để làm giấy khai sinh cho con nhưng anh Đ lại tránh né, không chịu đi làm các thủ tục và kéo dài cho đến nay. Chị và anh Đ ly thân với nhau kể từ ngày chị về nhà của cha mẹ để sinh con và anh chị không bàn bạc việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Phan Nhựt H, sinh ngày 05-5-2017. Hiện cháu H đang sống với chị nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân dẫn đến anh chị mâu thuẫn do anh bận đi làm mà không có thời gian để đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con làm ảnh hưởng đến tình cảm của anh chị. Anh chị ly thân nhau từ tháng 5-2017 cho đến nay không bàn bạc việc đoàn tụ nên nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phan Nhựt H, sinh ngày 05-5-2017 đúng như chị H trình bày. Hiện cháu H đang sống với chị H nên anh đồng ý giao cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Anh đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị H và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ chung sống với nhau vào tháng 12-2015, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử

cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp với các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phan Nhựt H, sinh ngày 05-5-2017 hiện đang sống với chị H. Anh chị thỏa thuận giao cháu H cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động. Xét thấy, việc thỏa thuận như trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Phan Thị H và anh Võ Văn Đ là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho chị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Nhựt H, sinh ngày 05-5-2017.

Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng với số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng, kể từ ngày 01-4-2022 cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0024006 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp xong tiền án phí.

Anh Đ phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh